

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu VN-CSCC-HUE-HH01: Mua sắm thiết bị văn phòng
- Tên dự án: Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế.
- Địa điểm thực hiện: Số 07 Đông Đa, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.
- Hình thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng.
- Phương thức LCNT: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Nguồn vốn: Vốn ODA
- Thời gian thực hiện: 10 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Máy Photocopy	Máy photocopy (Bao gồm: Mực, Chân máy, Khay chứa giấy chọn thêm PB 2030) Yêu cầu đăng ký: RMN BOISB-1700-00 Sự an toàn: IEC 60950-1:2005 +A1:2009 +A2:2013 (Quốc tế); EN60950-1:2006 +A11:2009 +A1:2010 +A12:2011 +A2:2013 /+AC:2011 (EU); EN 62479:2010 / IEC 62479:2010; Chỉ thị Điện áp thấp 2014/35/EU có Dấu CE (Châu Âu); Chứng chỉ GS (Đức, Châu Âu); Được liệt kê bởi UL/cUL và UC CoC (Mỹ/Canada); CAN/CSA C22.2 Số 60950-1-07 Bản sửa đổi 2:2014. Các phê duyệt an toàn khác theo yêu cầu của từng quốc gia Được sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp đạt ít nhất các chuẩn quản lý chất lượng, môi trường sau: TCVN ISO 9001; TCVN ISO 14001 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: Các tính năng: Copy, in wifi, scan, fax tùy chọn Màu sắc: Trắng đen Bộ nhớ chuẩn: 2 GB Màn hình điều khiển: Bảng điều khiển cảm ứng màu 7 inches Kích thước vật lý (Rộng x Sâu x Cao) - phần máy chính kích thước 587 x 581 x 677 mm

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Độ sâu bao gồm cả khay đầu vào Trọng lượng thân máy chính: 46.5 kg trở xuống Dung lượng giấy đầu vào chuẩn (tờ): 600 Dung lượng giấy đầu vào tối đa (tờ): 1,600 Dung lượng giấy đầu ra chuẩn (tờ): 250 Dung lượng giấy đầu ra tối đa (tờ): 250 Cấu hình giấy đầu vào - chuẩn Khay nạp giấy 500 tờ, in hai mặt, khay nạp tay 100 tờ, ARDF 100 tờ Cấu hình giấy đầu ra - chuẩn Khay đỡ giấy ra - 250 tờ lật mặt Loại giấy hỗ trợ: Khay giấy đầu vào chuẩn Thin paper, Plain paper 1, Plain paper 2, Recycled, Colour Paper, Special paper, Middle thick paper, Printed paper, Preprinted paper, Prepunched paper, Letterhead, Bond paper, Cardstock Khay tay: Giấy mỏng, Giấy thường 1, Giấy thường 2, Tái chế, Giấy màu, Giấy đặc biệt, Giấy dày, Giấy in, Giấy in sẵn, Giấy in sẵn, Giấy tiêu đề, Giấy bond, Giấy bìa cứng, Giấy dày 1, Giấy dày 2, Giấy dán nhãn, OHP, phong bì Cành đĩa: Giấy thường 1, Giấy thường 2, Tái chế, Giấy màu, Giấy đặc biệt, Giấy dày, Giấy in, Giấy in sẵn, Giấy đã chuẩn bị, Giấy tiêu đề, Giấy bond, Giấy bìa Kích thước giấy tối đa: A3 – B6 Định lượng giấy (g/m²): 52–216 Giao diện chuẩn Thân máy: 10Base-T/100Base-TX/1000Base-T (Gigabit Ethernet) IEEE802.11a/b/g/n (Wireless LAN) USB2.0-Device (Type-B) USB2.0-Host Bảng điều khiển thông minh IEEE 802.11 ac / a / b / g / n (Mạng LAN không dây) Bluetooth 4.2 Khe cắm thẻ SD: Thẻ nhớ SDHC Loại máy chủ lưu trữ USB A cho bộ nhớ USB Flash Máy chủ lưu trữ USB Loại A 1 cổng cho bàn phím USB, đầu đọc thẻ hoặc máy ảnh. Loại máy chủ lưu trữ USB mini B cho đầu đọc thẻ NFC Khe cắm thẻ nhớ để truy cập kỹ sư dịch vụ Thẻ NFC: Giao thức mạng - chuẩn: TCP/IP Tính năng copy Tốc độ sao chụp: 27 cpm Thời gian sao chụp bản đầu tiên: 6,5 giây trở xuống Độ phân giải sao chụp: 300 x 600 dpi (default), 600 x 600 dpi Phạm vi thu-phóng: 25–400% Tỷ lệ phóng to: 115%, 122%, 141%, 200%, 400% Tỷ lệ thu nhỏ: 93%, 82%, 71%, 50%, 25% Sao chụp hai mặt: Chuẩn Sao chụp sách: Không được hỗ trợ Sao chụp thẻ căn cước, chứng minh thư: Hỗ trợ Tính năng in Tốc độ in trắng đen: 27 ppm Thời gian ra bản in đầu: 6,5 giây trở xuống

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Độ phân giải in: 600 x 600 dpi Ngôn ngữ mô tả trang (PDLs): Tiêu chuẩn PCL 5e, PCL 6, PostScript 3 Trình điều khiển in: Chuẩn PCL 5e, PCL 6, PostScript 3 emulation In hai mặt: Chuẩn In ấn di động AirPrint, Mopria® In từ USB/thẻ nhớ SD: Hỗ trợ Tính năng Scan Tốc độ scan: 50 hình/phút Phương pháp scan: scan vào USB/SD, scan vào email, scan vào thư mục (SMB, FTP), scan vào URL, scan lưu PDF/A, scan vào PDF có nhúng chữ ký số Scan màu: Chuẩn Độ phân giải scan: 100 x 100 dpi, 200 x 200 dpi (default), 300 x 300 dpi, 400 x 400 dpi, 600 x 600 dpi, 1,200 x 1,200 dpi Scan theo định dạng tệp: Đơn và đa trang TIFF Đơn và đa trang PDF: Trang đơn JPEG (greyscale) Đơn và đa trang PDF chất lượng nén cao Scan đến email: Protocols cổng SMTP, POP Xác thực: Xác thực SMTP, POP trước khi xác thực SMTP Độ phân giải scan: 100 x 100 dpi, 200 x 200 dpi (mặc định), 300 x 300 dpi, 400 x 400 dpi, 600 x 600 dpi Scan vào các loại file chuyển qua email: JPEG, PDF — màu trung thực, thang độ xám TIFF, PDF — trắng đen Scan đến thư mục: Protocols SMB Bảo mật: API LanMan1.0, NTLMv1 / v2, GSS Độ phân giải: 100 x 100 dpi, 200 x 200 dpi (mặc định), 300 x 300 dpi, 400 x 400 dpi, 600 x 600 dpi Tìm kiếm thư mục khách hàng: Theo tên và ID Scan thành các định dạng : JPEG, PDF — màu trung thực, thang độ xám TIFF, PDF — trắng đen. Scan dạng TWAIN chế độ Scan: True colour, greyscale, trắng đen Độ phân giải scan: 100–1,200 dpi Lưu ý: Độ phân giải 1,200 dpi khi Scan chỉ có trên khổ giấy A5 trở xuống. Tính năng Fax: Các kiểu fax G3 fax, LAN-Fax optional Mạch fax: PSTN Độ tương thích: ITU-T (CCITT), G3—tối đa 3 dòng Tốc độ của bộ phát tín hiệu fax: 2,400 bps–33.6 Kbps—G3, tiêu chuẩn với tự động kéo xuống Phương thức nén: MH, MR, MMR Độ phân giải fax: 200 x 100 dpi—8 x 3.85 dòng/mm 200 x 200 dpi—8 x 7.7 dòng/mm Tốc độ truyền tín hiệu fax G3: Tối đa 3 giây; Biểu đồ ITU-T số 1, tắt TTI, tắt MFT Dung lượng bộ nhớ SAF: 4 MB

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Quay số nhanh: 400 số Tính năng bảo mật Mã hoá: Mật mã xác thực Xác thực: Xác thực người dùng Windows và LDAP qua Kerberos, basic, user code Xác thực bằng dây 802.1x Cài đặt giới hạn bản in/Giới hạn tài khoản Hệ điều hành được hỗ trợ Windows: PCL 6, PostScript 3 Windows Server 2008 Windows Server 2008 R2 Windows 7 Windows Server 2012 Windows 8.1 Windows Server 2012 R2 Windows 10 Windows Server 2016 Windows Server 2019 Macintosh OS X Native v10.11 trở lên—chỉ PostScript 3 Unix Sun Solaris—10 HP-UX—11.x, 11iv2, 11iv3 Red Hat Linux—Enterprise v4, v5, v6 SCO OpenServer—5.0.7, 6.0 IBM AIX—6.1, 7.1, 7.2 Phần mềm và giải pháp: Tiêu chuẩn @Remote EmbeddedWeb Image Monitor Tùy chọn Gói xác thực thẻ: Trình quản lý thiết bị NX Khóa in nâng cao NX và FlexiServer GlobalScan NX Gói trình điều khiển máy in NX: Trình thiết kế bảng điều khiển thông minh v1.43 trở lên Tính năng thân thiện với môi trường Nguồn điện: 220–240 V, 50/60 Hz, 8 Amps Mức độ tiêu thụ điện: 1.550 W trở xuống thân máy, công suất tối đa 500 W trở xuống - in 113 W trở xuống - Chế độ Ready 55 W trở xuống - Chế độ tiêu hao năng lượng thấp 1 W trở xuống - Chế độ Energy Saver (Chế độ Sleep) Mức tiêu thụ điện năng (TEC) 1,309 Wh Thời gian khởi động lại: 25 giây - Chế Độ Nhanh 65 giây - Chế Độ Thông Thường: Chế độ tiết kiệm năng lượng Thời gian ca làm việc 30 phút Chế độ Low Power (mặc định) 1 phút Chế độ Energy Saver (Chế độ Sleep) (mặc định) Thời gian phục hồi: 10 giây trở xuống Chế độ Low Power 13 giây trở xuống Chế độ Low Power (Chế độ Standby) Nhấn xanh: Blue Angel Mark (BAM) Các phụ kiện kèm theo đồng bộ do 1 hãng sản xuất Chân kệ máy do đơn vị thứ 2 sản xuất Bảo hành: 1 năm
2	Thiết bị hội nghị Camera	Thiết bị hội nghị Camera Kích thước - Camera: 130 x 170 x 138 mm - Thiết bị thu âm: 240 x 65 x 240 mm - Hub: 94 x 34 x 74 mm - Remote: 50 x 120 x 12 mm Camera – Quét ngang 260°, nghiêng 130° – Thu phóng HD 10X không bị mất dữ liệu

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		– Trường ngắm 90° – Full HD 1080p 30fps – Tiêu chuẩn H.264 UVC 1.5 với công nghệ mã hóa Video có thể mở rộng (SVC) – Lấy nét tự động – 5 chế độ camera cài đặt sẵn - Âm thanh – 4 micrô đa hướng, phạm vi lên đến 6 m, dải tần 100 Hz – 11 kHz, loại bỏ tiếng vọng và giảm tạp âm, méo tiếng <1% – Loa độ nhạy 83 dBSPL, dải tần 120 Hz – 14 kHz, công suất tối đa 91 dBSPL, méo tiếng <5% - Công nghệ – H.264 với Mã hóa Video có thể mở rộng (SVC) và UVC 1.5 – Công nghệ tạo chùm với mic đa hướng – Công nghệ Bluetooth không dây và công nghệ giao tiếp tầm gần (NFC) - Chuẩn kết nối: Bluetooth, NFC, USB - Bảo mật: Khe khóa máy Kensington bảo vệ thiết bị khỏi bị trộm cắp - Tương thích: Skype for Business, Microsoft Teams, Zoom, Cisco Jabber và WebEx, BlueJeans, BroadSoft, Fuze, Lifesize Cloud, Vido - Bảo hành: 12 tháng
3	Tivi	Loại Tivi: Smart TV Kích thước màn hình: 75 inch Độ phân giải: 4K UltraHD (3840x2160px) Kích thước không chân đế: 1668.1 x 957.8 x 77 mm Kích thước có chân: 1668.1 x 1005.9 x 280 mm Bluetooth: v5.3 Kết nối Internet: Ethernet (LAN), WiFi 5 Cổng HDMI: 3 cổng Cổng USB: 1 cổng Hệ điều hành, giao diện: Tizen OS Các ứng dụng sẵn có: Web Browser, YouTube, Netflix Điều khiển tivi bằng điện thoại: Bảng ứng dụng SmartThings Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng: Sound Mirroring Kết nối Bàn phím, chuột: Có Tương tác thông minh: Tìm kiếm bằng giọng nói tiếng Việt trên YouTube Điều khiển giọng nói Bixby Tiếng Việt Remote Control App Tiện Ích: Chơi game trên tivi Điều khiển được bằng điện thoại Trợ lý ảo Bixby (Tizen OS) Tìm kiếm bằng giọng nói (có hỗ trợ tiếng Việt) Chiếu điện thoại lên TV (không dây)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Công nghệ hình ảnh: Crystal Processor 4K UHD Dimming Contrast Enhancer HDR 10+ HDR (High Dynamic Range) Công nghệ âm thanh: Q - Symphony Object Tracking Sound - OTS Lite Adaptive Sound: Tổng công suất loa: 20W (Bao gồm: Dây HDMI 10M, vật tư phụ và nhân công lắp đặt đi kèm) Bảo hành: 2 năm
4	Giá treo tivi di động	Tương thích màn hình: 55 – 80 inch Tải trọng tối đa: 90.9kg Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện siêu bền Độ cao điều chỉnh: 1350mm – 1650mm Tương thích màn hình chuẩn VESA: từ 200x200 đến 800x500mm Có khay đặt đầu phát & camera họp trực tuyến Có chốt điều chỉnh độ cao dễ dàng bằng hai nút bấm Có chế độ khóa bánh xe cố định khi không muốn di chuyển Màu: Đen Khối lượng: 31 Kg Bảo hành: 1 năm
5	Máy Laptop	Bảo hành: 02 năm. CPU: Intel® Core™ Ultra 7-255U (4.2 GHz-5.2 GHz/ 12MB/ 12 nhân, 14 luồng) NPU: Intel® AI Boost 12 TOPS RAM: 1 x 16GB 5600MHz DDR5 (Hỗ trợ tối đa 64GB) Ổ cứng: 512GB SSD M.2 NVMe Màn hình: 14" WUXGA (1920 x 1200) IPS, 60Hz, Màn hình chống lóa, 300 nits, 45% NTSC Khác: Bàn phím thường, FHD webcam, Intel AI OS: Windows 11 Pro
6	Bàn họp	Bàn họp 3.6m kiểu chân 1901, chân sắt phần dưới mạ, khung giằng trên sơn đen. Mặt bàn gỗ MFC Kích thước: 3600x1200x750 Bảo hành: 01 năm
7	Ghế tựa	Ghế tựa có chân ghế làm bằng thép mạ. Lưng ghế bằng khung nhựa bọc lưới, đệm ghế bọc vải lưới viền da Kích thước: 490x470x875 Bảo hành: 01 năm

1.3. Các yêu cầu khác

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: 10 ngày;

- Địa điểm cung cấp: Số 07 Đồng Đa, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ kèm theo.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Kiểm tra hàng hóa khi giao hàng:

- Kiểm tra tại chỗ hàng hóa được bàn giao về số lượng, chủng loại, xuất xứ, nhãn hàng hóa.

- Kiểm tra sơ bộ đóng gói bên ngoài

- Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách hàng hóa chứng tỏ rằng hàng hóa phù hợp với Hợp đồng thì hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản kiểm tra hàng hóa

- Các quy định khác theo quy định.